

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-04-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Nguyễn Thanh Thuần.

- Thư ký phiên tòa: anh Châu Kim Sol - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số 416/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "xin ly hôn" To quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Neang S, sinh năm 1996. Nơi cư trú: tổ 03, ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Chau T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: tổ 09, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. *Người phiên dịch:* ông Lục Tà D, cán bộ đài truyền thanh huyện Tịnh Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Neang S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị S và anh Chau T được được người khác mai mối và sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, chị S và anh T đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện T vào ngày 04 tháng 5 năm 2015.

Sau khi kết hôn chị S và anh T sinh sống tại xã Vĩnh Trung, huyện Tịnh Biên, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sinh được một đứa con.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn vào năm 2017 chị và anh T đi làm ăn xa, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, do anh T không lo làm ăn, không lo cho gia đình, chỉ lo ăn chơi, đứa con do chị một mình nuôi dưỡng, chị đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh không nghe, không sửa đổi, ngược lại càng ngày càng ăn chơi nhiều hơn. Do vợ chồng thường xuyên cãi vã nên từ tháng 10 năm 2018 không biết lý do gì mà anh T đã bỏ chị S đi sống chỗ khác đến nay nên từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay.

Chị S nhận thấy không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống của nhân này nên chị xin được ly hôn anh T.

- Về con chung: chị S và anh T có một đứa con chung tên Chau Kunl Th, sinh ngày 18/6/2016, hiện con đang sống với chị; khi ly hôn, chị S xin quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh Chau T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Nợ chung: không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Chau T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, canh khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị S có mặt, bị đơn anh Chau T vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, canh khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 12/04/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị S vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh Chau T tiếp tục vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân To pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về tuân To pháp luật:

+ Thẩm phán được phân canh giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án To quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng To quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Chau T không thực đúng về quyền, nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: nhận thấy hôn nhân giữa chị S và anh T là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng To luật hôn nhân gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh S xin được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: chị S khai có một đứa con chung tên Chau Kunl Th, sinh ngày 18/6/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng một đứa con chung và không yêu cầu anh Chau T cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Th cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Chau T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị S không có yêu cầu.

+ Về quan hệ tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Neang S (có đơn xin xét xử vắng mặt) bị đơn anh Chau T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án To trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa chị S và anh T được xác lập trong năm 2015, trong thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết To quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T được xác lập trong năm 2015, có đăng ký kết hôn đúng trình tự, thủ tục tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện T, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. To lời trình bày của nguyên đơn chị S và anh T phát có sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2018 đến nay.

To quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng chị S và anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm tháng 10 năm 2018 đến nay, do nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị S và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận To quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: chị S khai có một đứa con chung tên Chau Kunl Th, sinh ngày 18/6/2016. Khi ly hôn chị S xin quyền nuôi con chung. Xét, từ lúc vợ chồng sống ly thân, con chung do chị S trực tiếp nuôi dưỡng, cho con đi học đến nay, vì vậy để đảm bảo mọi quyền lợi tốt của con chưa thành niên về môi trường sống, học tập, vui chơi giải trí của cháu Th, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên kia (người không trực tiếp nuôi) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, To yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị Neang S không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn anh Chau T không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng gì cho Tòa án nên không xem xét.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chị Neang S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh ChauT không phải bào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Neang S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Neang S được ly hôn với anh Chau T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53/KH.UBND ngày 04 tháng 05 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã V1, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Chau Kunl Th, sinh ngày 18/6/2016 cho Neang S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Chau T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Neang S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Chau T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy con chung;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, To yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Neang S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp To biên lai thu số: TU/2019/0005910 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án To quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án To qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện To qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vp + Hs.

Châu Nam Phú